

# HOA KỲ XÂM LƯỢC IRAQ: KHÍA CẠNH QUÂN SỰ CỦA TOÀN CẦU HOÁ?

Stephen Zunes\*

**L**ý do chính biện hộ cho hành vi xâm lược Iraq của Hoa Kỳ - giả định Saddam Hussein có vũ khí huỷ diệt hàng loạt và Iraq có quan hệ với mạng lưới khủng bố Al Qaeda - hiện hoàn toàn bị nghi ngờ, và lời khẳng định của Washington xây dựng một đất nước Iraq dân chủ cũng hoàn toàn không đáng tin cậy. Mặc dù những nhân tố kinh tế thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi xâm lược của Hoa Kỳ, không nên nghĩ quá giản dị là việc chuyển nhượng Iraq được thực hiện đơn giản vì mục đích lợi nhuận của các công ty dầu, không tính tới thực tế là thậm chí những kế hoạch lạc quan nhất về chi phí tài chính cho việc xâm lược và chiếm đóng cũng vượt quá xa so với lợi ích tài chính dự tính thu được. Thêm nữa, Saddam Hussein đã bán dầu của mình cho phương Tây với mức giá hợp lý và ông ta có địa vị thấp trong số những thành viên của OPEC, vì vậy ông ta không thể thuyết phục OPEC thông qua những chính sách làm thiệt hại lợi ích của Hoa Kỳ. Vậy cái gì thực sự là động cơ thúc đẩy Hoa Kỳ gánh lấy nhiệm vụ xâm lược và tái thiết Iraq một cách đầy mơ hồ này?

**Trở lại với Chủ nghĩa quân sự can thiệp trực tiếp**

Trước khi hình thành đề án xâm lược, những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm lật đổ chính phủ nhiều nước - vừa thông qua hành động che giấu, can thiệp quân sự trực tiếp hoặc sử dụng những đội quân được ủy nhiệm - đã trở thành một vấn đề trong quá khứ. Tuy nhiên, sự thay đổi hành vi rõ ràng này không phải là một kết quả của việc tôn trọng hơn luật quốc tế. Trong thực tế, với tư cách là siêu cường còn lại duy nhất của thế giới, Hoa Kỳ lạm dụng những quy tắc luật quốc tế hơn bao giờ hết. Việc chuyển đổi này cũng không phải do kết quả chấm dứt "mối đe dọa Xô Viết", do nhiều chính phủ trở thành nạn nhân của sự can thiệp của Hoa Kỳ đã theo chủ nghĩa dân tộc và không liên kết, không theo chủ nghĩa cộng sản và sự đối đầu giữa các siêu cường không phải là lý do bào chữa cho hành vi xâm lược của Washington.

Đúng hơn là, sự thay đổi phương pháp bá quyền này là sự phản ánh mô hình tự do mới đang thống trị nền kinh tế toàn cầu - được thúc đẩy thông qua các thể chế tài chính quốc tế ví dụ như Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), và Ngân hàng Thế giới (WB) - những hình thức thô sơ về sự thống trị bá quyền như vậy đã không còn cần thiết

nữa. Chẳng hạn, nếu Đảng FMLN tại El Salvador hoặc Sandinistas Đảng tại Nicaragua thắng trong các cuộc bầu cử gần đây nhất tại những quốc gia có số nợ lớn này, ít người nghi ngờ khả năng họ sẽ không thể không tái thiết nền kinh tế của mình theo hướng xã hội chủ nghĩa như họ đã mơ ước 20 năm trước.

Và những giới hạn tự quản kinh tế của các chính phủ dân tộc đương đại không bị hạn chế đối với những nước nông nghiệp nhỏ. Chính phủ theo hướng xã hội chủ nghĩa của Ricardo Lagos ở Chile ít giống chính quyền theo hướng xã hội chủ nghĩa của Salvador Allende vào đầu những năm 1970, và chiến thắng trong bầu cử của Đảng Lao động tại Brazil và Quốc hội Dân tộc châu Phi tại Nam Phi đang làm thất vọng nhiều người hi vọng mức độ trì trệ đói nghèo, phân tầng xã hội, và bất công kinh tế là quốc nạn tại những nước này sẽ giảm đáng kể.

IMF - thông qua các Chương trình điều chỉnh cơ cấu của mình - có thể áp đặt hợp pháp và rộng rãi những gì hàng thập kỉ trước đó được CIA, Hải quân hoặc lính đánh thuê thực hiện. Sự bá quyền của chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ và những đồng minh công nghiệp phát triển của nước này đã tiến tới mức chưa từng thấy, tới mức không cần sử dụng những trò bản thủ của việc can thiệp quân sự trực tiếp.

Nền kinh tế toàn cầu tự do mới cũng có thể giải thích sự kết thúc của chủ nghĩa dân tộc thiên hữu đã từng phổ biến tại thế giới Arab, với việc Ai Cập, Algeria, Sudan, Yemen và - ở mức độ ít hơn - Syria và Libya đã từ bỏ những chính sách nửa xã hội chủ nghĩa của họ để nắm lấy những gì đang được gọi một cách hoa mỹ là "những cải cách thị trường tự do". Những quốc gia Arab này cũng cho

thấy mức giảm đáng kể những khẩu hiệu chống phương Tây của họ, ủng hộ khủng bố và du kích cực đoan, và những hành vi khác làm Washington khó chịu.

Nước Iraq do đảng Baath cầm quyền là nước Arab duy nhất chủ yếu chống lại những khuynh hướng này. Cộng với một dân số được giáo dục có quy mô, trữ lượng dầu lớn, và nguồn cung cấp nước hợp lý, Iraq có thể duy trì một chính sách đối nội và đối ngoại thực sự độc lập. Thậm chí dù 12 năm bị cấm vận hà khắc cũng không thể làm lật đổ chính phủ hoặc làm chính phủ Iraq hợp tác hơn với diễn đàn nghị sự kinh tế và chiến lược của Washington, nhắc nhở Hoa Kỳ phải chuyển sang hình thức thô sơ hơn là can thiệp.

Điều này không có hàm ý là sự cai trị của Saddam Hussein gần giống như một mô hình tiến bộ cho Thế giới thứ ba noi theo. Thay vào đó, đảng Baath của ông có thể được mọi người dân mác là thực sự phát xít hơn bất cứ chế độ nào trên thế giới trong những thập kỉ gần đây. Tuy nhiên, cho dù ông ta có thống trị theo kiểu gì, Saddam rõ ràng không tán thành kịch bản toàn cầu của Washington.

Kết quả là, chính quyền Bush quyết định áp dụng một trật tự mới nhờ đó quốc gia quan trọng tại Trung Đông này không có sự lựa chọn nào khác là chơi theo luật của Hoa Kỳ. Do việc gắn đất nước bị xâm lược vào lãnh thổ nước đi xâm lược hoàn toàn không phải là hành vi có thể được chấp nhận nữa (dù Hoa Kỳ liên minh với Morocco và Israel), cần lập ra một hệ thống kiểm soát ít máy tính chính thức hơn. Vì vậy Washington thông qua một kế hoạch cho Iraq hoàn toàn giống như chiến lược của Anh tại Trung Đông sau sự sụp đổ của Đế chế

Ottoman. Không phải chính thức sát nhập Iraq, Anh chiếm đóng quốc gia này đủ lâu để thành lập một kiểu gần giống như quyền bá chủ. Iraq giành được độc lập trong vài năm nhưng nước Anh có thể phủ quyết việc thành lập bất kì một chính quyền không thân thiện nào và có thể thống trị nền kinh tế Iraq.

Hoa Kỳ áp dụng mô thức tương tự với Cuba năm 1898 báo trước quá trình "tự do" tách khỏi nước Tây Ban Nha. Sau vài năm chiếm đóng, Washington trao trả độc lập chính thức cho hòn đảo này, giữ lại thành một nước được bảo hộ tạm thời. Hệ thống cai trị này kéo dài hơn năm thập kỉ cho tới khi bị cuộc cách mạng năm 1959 của Fidel Castro làm sụp đổ, gần một năm sau các quan chức quân sự theo chủ nghĩa dân tộc tại Baghdad lật đổ chế độ cai trị của Anh. Thậm chí 45 năm sau khi nhà độc tài được Hoa Kỳ hậu thuẫn là Fulgencio Batista chuồn khỏi Havana, Washington vẫn không thể chấp nhận một nước Cuba độc lập thực sự và vẫn từ chối công nhận về ngoại giao với nước này.

### **Một cuộc thập tự chinh cho chủ nghĩa tự do mới?**

Dưới sự lãnh đạo của Liên minh cầm quyền lâm thời (CPA) do Pual Bremer làm chủ tịch, những thay đổi triệt để được áp đặt lên nền kinh tế Iraq gần như bắt chước những chương trình điều chỉnh cơ cấu tai tiếng mà IMF ép buộc cho những nước mắc nợ. Những chương trình này gồm:

- Tư nhân hoá rộng rãi những xí nghiệp quốc doanh - kết hợp với việc cho phép sở hữu các công ty Iraq bằng 100% vốn nước ngoài. - giao lại những lĩnh vực kinh tế cơ bản của Iraq là mục tiêu hàng đầu phát triển các tập đoàn Hoa Kỳ.

- Áp nguyên thuế 15%, chủ yếu đem lại lợi ích cho người giàu và đặt gánh nặng không cân đối lên vai người nghèo.

- Hoàn toàn triệt bỏ thuế nhập khẩu, kết quả là một cơn lũ hàng hoá nước ngoài tràn vào Iraq khiến các công ty nhỏ, yếu kém của Iraq do 12 năm cấm vận không thể cạnh tranh được, hàng trăm xí nghiệp gần đây bị đóng cửa, tăng thêm tỉ lệ thất nghiệp vốn đã trầm trọng.

- Đặt hợp đồng kéo dài khoảng 40 năm khiến thậm chí không thể có chính phủ có chủ quyền nào thực sự có thể kí lại những hợp đồng thay thế hợp pháp.

Đáng lưu ý là có một luật tồn tại dưới thời Saddam không bị chính quyền Mỹ huỷ bỏ: cấm liên đoàn lao động trong lĩnh vực công. Trong thực tế, lực lượng chiếm đóng Hoa Kỳ thẳng tay đàn áp những cuộc biểu tình hoà bình do những nhà hoạt động nghiệp đoàn tổ chức.

Cũng cần nhớ là chính quyền được cho là có chủ quyền ở Iraq, chính thức nhận sự kiểm soát vào ngày 28 tháng 6, không có quyền huỷ bỏ những luật này. Những việc hoàn toàn ủng hộ Hoa Kỳ xâm lược Iraq để áp đặt biện pháp quân sự, những gì IMF không thể tự mình áp đặt, là một sự cường điệu và chỉ là một phân giải thích cho nó mà thôi.

### **Một chủ nghĩa trọng thương mới**

Những người hoài nghi khẳng định việc chính quyền Bush xâm lược Iraq hoàn toàn vì dầu đã nói đúng là sự phụ thuộc vào dầu vùng Vịnh của Hoa Kỳ ít hơn sự phụ thuộc của châu Âu và các nước Đông Á. Tuy nhiên, kiểm soát Iraq - quốc gia Arab lớn nhất tại vùng Vịnh, có trữ lượng dầu lớn thứ

hai thế giới, và có biên giới với ba nước trong số năm nước sản xuất dầu nhiều nhất thế giới - mang lại cho Hoa Kỳ lợi thế rất lớn. Trong những thập kỉ sắp tới, trong trường hợp xảy ra chiến tranh thương mại với châu Âu hoặc đối đầu quân sự với nước Trung Quốc đang nổi lên, kiểm soát tuyệt đối dầu vùng Vịnh sẽ là một quân át chủ bài mà Washington có thể sử dụng vì lợi ích của mình. Khi đó, hành vi xâm lược Iraq có thể không chỉ là sự bác bỏ đáng sợ với hệ thống quốc tế hậu Thế chiến II được đề ra trong Hiến Chương Liên Hiệp quốc mà còn là sự trở lại nền chính trị nước lớn của thế kỉ 19 trong đó việc xâm chiếm đế quốc là nhằm kiểm soát những nguồn lực kinh tế chủ chốt.

Về việc vi phạm trực tiếp những nguyên tắc của WTO - mà Washington luôn kiên quyết bắt các nước phải tuân theo - các lực lượng chiếm đóng Hoa Kỳ dành những cơ hội đầu tư và tái thiết cho những nước ủng hộ hành vi xâm lược của Hoa Kỳ. Tương tự, sau vụ xâm lược năm 2003, các nhà thầu Hoa Kỳ và các nhân viên của họ được trao quyền ưu tiên với các công ty Iraq và trong việc mua những hợp đồng tái thiết sinh lợi cao. Về những trạm phát sóng thông tin liên lạc, cơ sở hạ tầng của Hoa Kỳ đang thay thế cho những hệ thống thông tin liên lạc của Iraq và của châu Âu.

Trong giai đoạn quá độ từ CPA tiến tới kiểm soát Iraq tạm thời, thay thế cho Paul Bremer, đại sứ Hoa Kỳ John Negroponte không giống như bất kì một đại sứ nào khác - trái với khẳng định của chính quyền Bush. Washington đã cử hơn 1500 công dân Mỹ biệt phái tới "sứ quán" của mình vào các chức vụ nổi bật để mở rộng thực sự tất cả các bộ của Iraq, và vẫn phòng đại sứ kiểm soát phần lớn ngân

sách của chính phủ Iraq, (vào những năm 1980, Negroponte đóng vai trò tương tự, khi là đại sứ Hoa Kỳ tại Tegucigalpa ông nhanh chóng được coi là người có quyền lực thứ hai tại Honduras dựa vào số quân chiếm đóng lớn của Hoa Kỳ tại quốc gia này và sự lệ thuộc vào hậu thuẫn quân sự và kinh tế của Washington của chính quyền quân sự Honduras).

Hành động xâm lược Iraq của Hoa Kỳ có thể được xem gần như một ví dụ rõ ràng về những thay đổi tinh vi trong chính sách của Hoa Kỳ được lưu ý trên các diễn đàn kinh tế quốc tế gần đây. Không giống như những nỗ lực đầy tham vọng của chính quyền Clinton nhằm viết lại những nguyên tắc thương mại toàn cầu để áp đặt một kiểu trào lưu thị trường tự do chính thống lên toàn thế giới, chính quyền Bush có thiên hướng trong việc thúc đẩy những lợi ích thiên cận của các tập đoàn có trụ sở chính tại Hoa Kỳ.

### Kết luận

Xâm chiếm Iraq tóm lại là phương sách cuối cùng để áp đặt những lợi ích bá quyền của Hoa Kỳ lên quốc gia lăm dầu mỏ này, thậm chí nó cũng có thể báo trước cho những xung đột nghiêm trọng hơn trong tương lai. Ít nhất, hai nước thuộc Thế giới thứ ba khác - Iran và Venezuela - có những đặc điểm giống Iraq là một tỉ lệ dân số được giáo dục lớn, trữ lượng dầu lớn, và những nguồn nước dồi dào, do đó cho phép chính quyền của các nước này nắm vững chính sách đối nội và đối ngoại độc lập. Không ngạc nhiên sao được khi những nước này cũng đang nhận kết cục thù địch ngày càng tăng từ Washington. Thật may là không một quốc gia nào khác lo ngại bị Hoa Kỳ xâm lược trong tương

lai gần bởi Iraq hoá ra hoàn toàn là một thảm hoạ.

Sau nhiều năm được nhà nước kiểm soát dưới thời độc tài của Saddam, ít có nghi ngờ về việc nền kinh tế Iraq cần được tự do hoá và tái thiết, nhưng người dân Iraq đang phẫn nộ vì những vấn đề quan trọng bị quyết định bởi thế lực chiếm đóng, thế lực rõ ràng có lợi ích thương mại ở đất nước của họ. Tóm lại, bên cạnh bạo lực tiếp diễn, thiếu dịch vụ cơ bản, sự bất bình chủ yếu của người dân Iraq với sự chiếm đóng của Hoa Kỳ là việc người Mỹ dường như đang cố xâu xé họ.

Giống như nhiều chính quyền Arab, Iraq dưới thời Saddam Hussein lãng phí hàng tỉ đôla của quốc gia do tham nhũng và chi tiêu quân sự lãng phí. Dầu sao, trước thất bại trong việc xâm chiếm Kuwait của Saddam và gây ra kết quả chiến tranh, cấm vận, người dân Iraq đứng gần hàng đầu trong Thế giới thứ ba về chỉ số phát triển con người, chỉ số tính dinh dưỡng, chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, giáo dục và những nhu cầu khác của con người.

Các lực lượng chiếm đóng Hoa Kỳ không chỉ không thể khôi phục lại Iraq trở về điều kiện sống trước năm 1991 tại nước này, mà người dân Iraq còn trở nên nghèo hơn cả dưới thời bị cấm vận sau sự tàn phá nặng nề từ những chiến dịch ném bom Iraq do Hoa Kỳ lãnh đạo trong chiến tranh vùng Vịnh. Sau hàng loạt những tổn thất nghiêm trọng do Hoa Kỳ và đồng minh gây ra với người dân Iraq trong suốt 12 năm cuối dưới thời cai trị của Saddam, thất bại trong việc cải thiện những điều kiện này kể từ khi ông ta bị lật đổ đã dẫn tới sự phẫn nộ ngày càng lan rộng. Do lực lượng lao động kĩ năng cao của Iraq chiếm hơn 50% tỉ lệ thất nghiệp,

không ngạc nhiên là nhà thầu nước ngoài có lương cao - hầu hết những công việc của họ người dân Iraq có thể làm được - trở thành mục tiêu bị chống trả.

Saddam Hussein được coi là theo Chủ nghĩa Baath giống như Josef Stalin được cho là theo chủ nghĩa Mác. Nhưng điều này không có nghĩa hầu hết người dân Iraq từ chối những thiên hướng chống đế quốc, nửa xã hội chủ nghĩa của hầu hết mọi chính quyền Iraq kể từ vụ lật đổ vương triều Hashemite do Anh thành lập vào năm 1958 và vụ xâm lược của Hoa Kỳ năm 2003. Một cuộc thăm dò ý kiến vào mùa xuân năm ngoái cho thấy 65% số người Iraq thích một nền kinh tế chủ yếu do nhà nước quản lý có đặc điểm nhà nước trợ cấp cho những dịch vụ cơ bản, trong khi chỉ có 6,6% ủng hộ hệ thống thị trường tự do trong đó các doanh nghiệp tư nhân không bị hạn chế tham gia nền kinh tế.

Thật buồn, cảm giác đang lan rộng là Hoa Kỳ ở phía sau sự giàu có của Iraq và đang đặt lợi ích của những công ty có liên hệ với Hoa Kỳ lên trên cuộc sống của dân thường Iraq đã tăng thêm sự chống cự vũ trang làm nỗ lực tái thiết không thể thực hiện được - dù bất kì mô hình kinh tế nào đi nữa. Kết quả là, Washington có thể không giành được thành công nào trong việc áp đặt mô hình thị trường tự do không tưởng lên Iraq như Moscow đã áp đặt chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Afghanistan ■

---

#### *Chú thích:*

(\*) *Stephen Zunes là giáo sư chính trị và chủ nhiệm chương trình nghiên cứu hoà bình và công lý tại Trường Đại học San Francisco.*

Bản dịch của Viện Nghiên cứu Châu Mỹ  
Nguồn: <http://www.commondreams.org/views/04/10/20-28.htm>